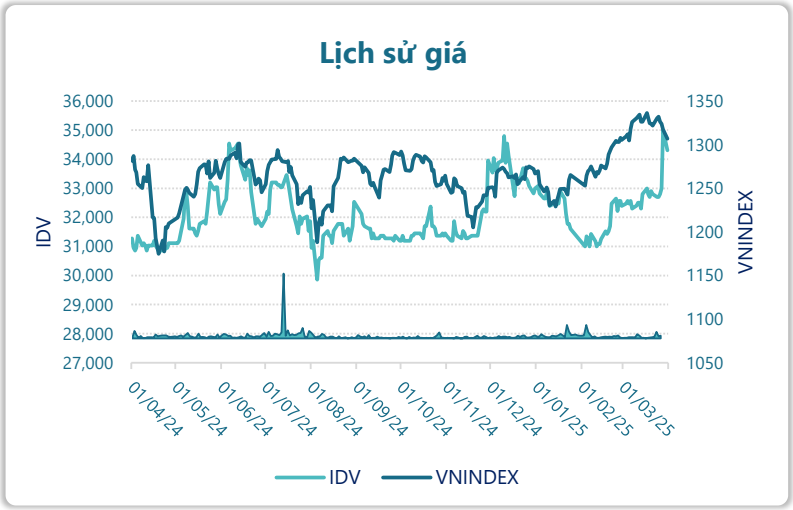
FireAnt

CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc (HNX: IDV)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**34,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,858
SL cổ phiếu LH	41,236,777
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35,330
% sở hữu nước ngoài	19.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,414
P/E	13.4
EPS	2,560

DT thuần

Q1/25

24.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.20| -8.3%

YoY: ▼14.4| -37.0%

LN sau thuế

Q1/25

12.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.8| -45.4%

YoY: ▼20.0| -60.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

121%

+/- YoY: ▲ 2.3%

DT thuần

2024

120

tỷ VNĐ

YoY: ▼38.0| -24.3%

LN sau thuế

2024

126

tỷ VNĐ

YoY: ▼35.0| -21.7%

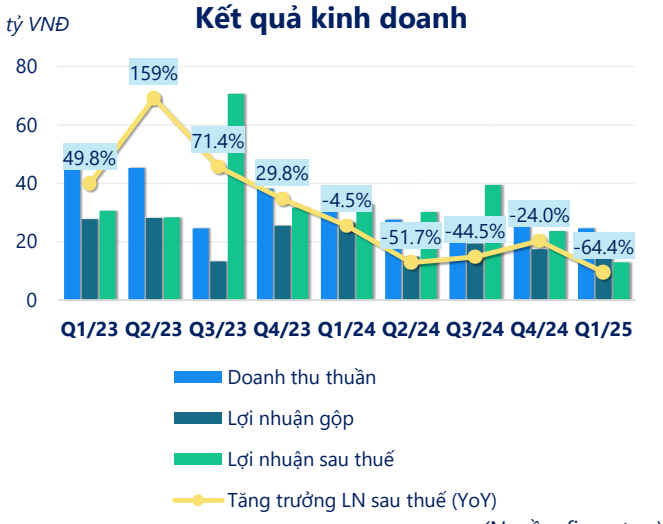
ROE

2024

15.2%

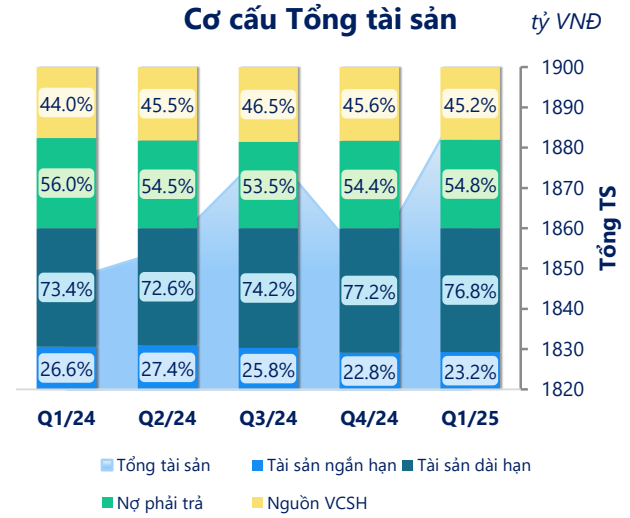
+/- YoY: ▼ 6.7%

Kết quả kinh doanh



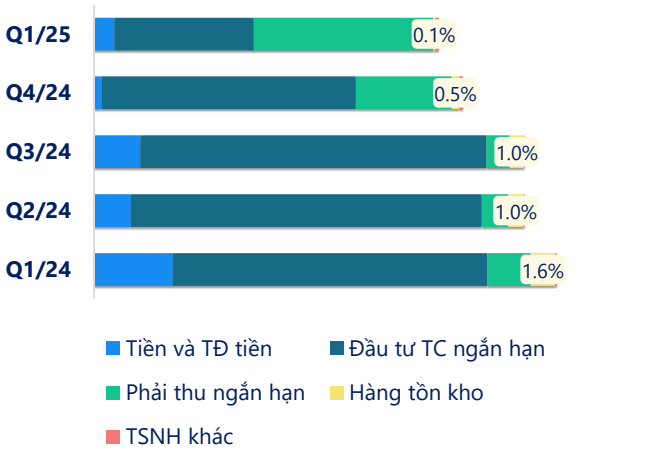
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



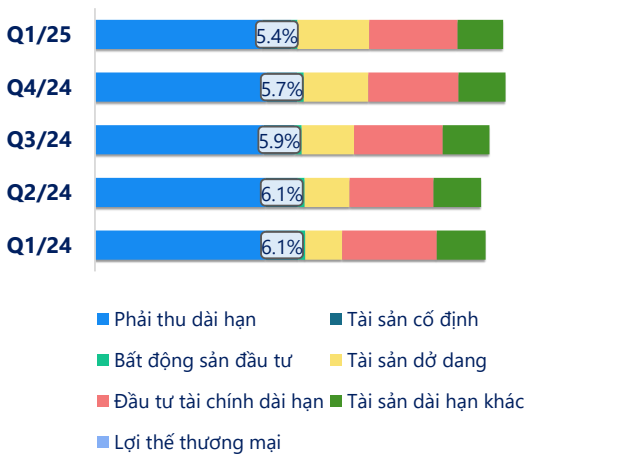
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



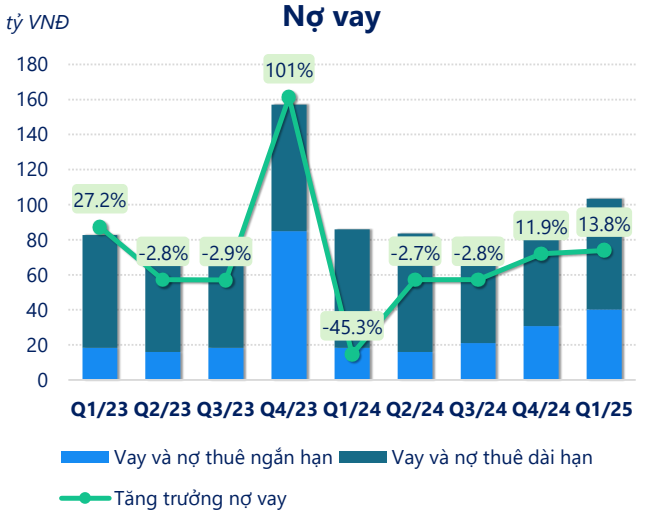
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



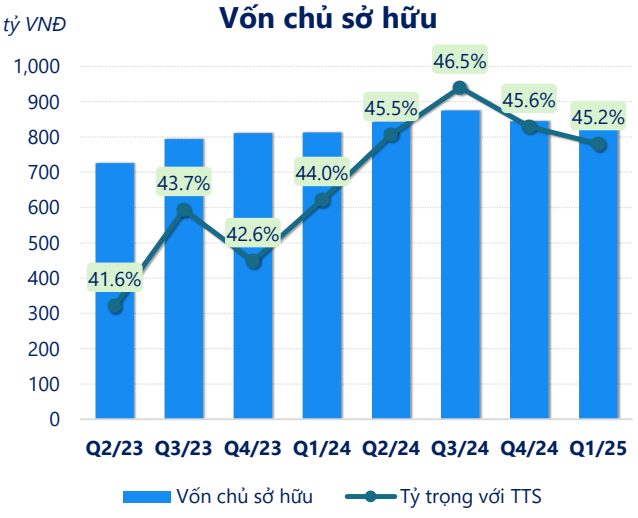
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



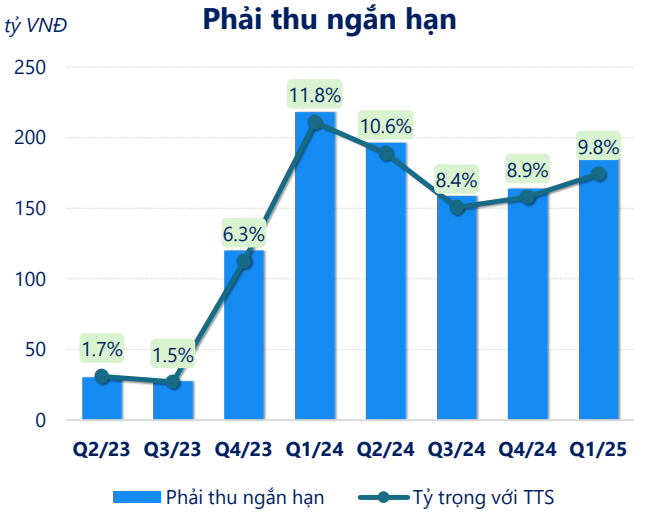
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



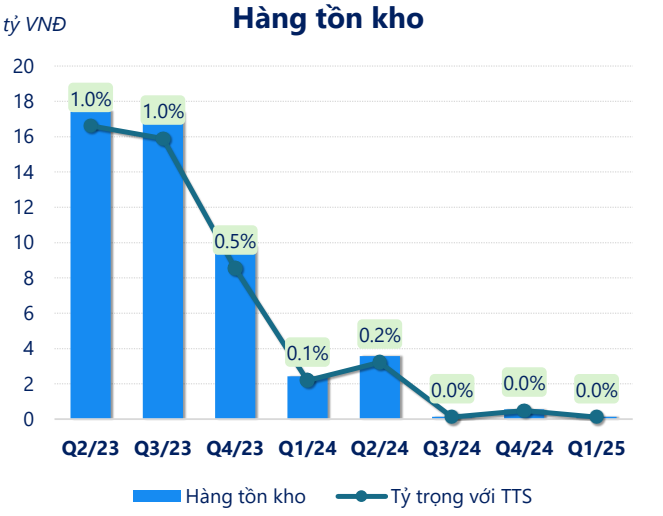
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



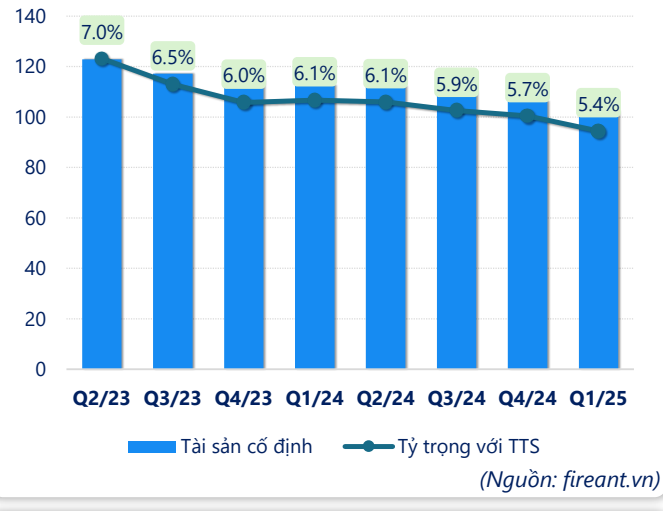
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



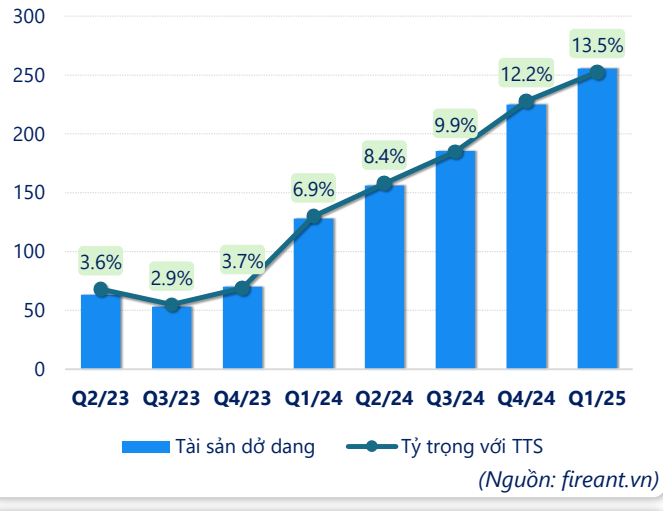
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



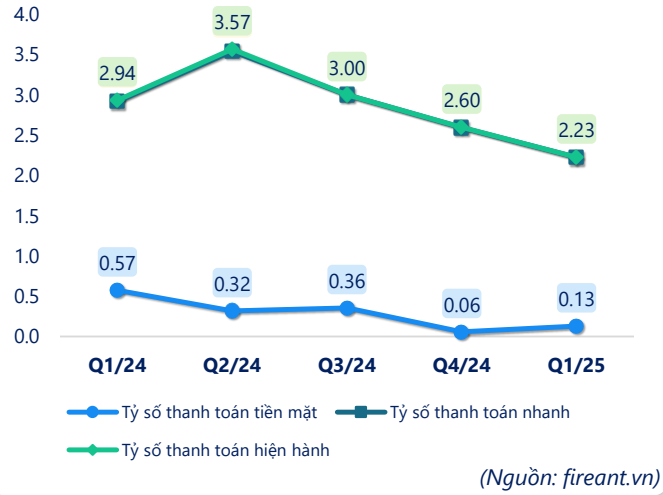
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



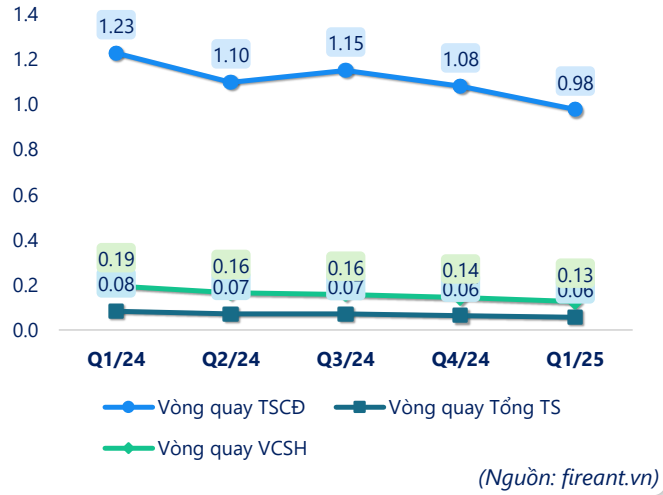
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,847**	**1,855**	**1,880**	**1,850**	**1,895**
Tài sản ngắn hạn	**490**	**507**	**485**	**421**	**441**
Tiền và tương đương tiền	95.9	45.0	57.4	9.42	25.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	169	256	261	238	211
Phải thu ngắn hạn	218	196	159	164	185
Hàng tồn kho	2.43	3.57	0.13	0.55	0.13
Tài sản ngắn hạn khác	4.62	6.46	7.93	10.0	19.4
Tài sản dài hạn	**1,357**	**1,347**	**1,395**	**1,429**	**1,455**
Phải thu dài hạn	593	595	597	597	597
Tài sản cố định	113	112	110	106	102
Bất động sản đầu tư	24.6	24.1	23.7	23.3	22.8
Tài sản dở dang	128	156	185	225	255
Đầu tư tài chính dài hạn	329	293	314	314	314
Tài sản dài hạn khác	169	167	165	164	162
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,035**	**1,012**	**1,005**	**1,006**	**1,038**
Nợ ngắn hạn	**167**	**142**	**162**	**162**	**198**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.3	16.0	21.1	30.8	40.3
Phải trả người bán ngắn hạn	4.51	1.39	2.97	6.72	4.78
Nợ dài hạn	868	870	844	844	840
Vay và nợ thuê dài hạn	67.5	67.5	60.1	60.1	63.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**812**	**843**	**875**	**844**	**857**
Vốn chủ sở hữu	**812**	**843**	**875**	**844**	**857**
Vốn điều lệ	359	359	359	359	412
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)